

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025
Ho Chi Minh City, March 03, 2025

Số/No.:

20250303/KTGD/FUEKIVFS-CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam
Tại: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange
Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Investors

- Tên quỹ ETF/ *ETF name:* Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF
- Mã chứng khoán/ *Securities symbol:* FUEKIVFS
- Tên Công ty Quản lý quỹ:
Fund Management company: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/
KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
- Tên Ngân hàng giám sát/
Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/
Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date:* 28/02/2025
- Đơn vị tính lô ETF/ *Unit:* 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/
1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
I. Chứng khoán/ Securities			
1	ACB	5,000	9.56%
2	AGR	100	0.13%
3	BIC	100	0.27%
4	BID	400	1.20%
5	BMI	100	0.16%
6	BSI	100	0.39%
7	BVH	100	0.42%
8	CTG	1,000	3.04%
9	CTS	100	0.28%
10	EIB	2,000	3.05%
11	EVF	1,000	0.80%
12	FTS	200	0.70%
13	HCM	500	1.16%
14	HDB	3,300	5.61%
15	LPB	3,500	9.42%
16	MBB	4,200	7.14%
17	MIG	100	0.14%
18	MSB	3,000	2.50%
19	OCB	1,700	1.41%
20	ORS	400	0.47%
21	SHB	4,400	3.24%
22	SSB	2,500	3.57%
23	SSI	1,800	3.44%
24	STB	2,400	6.73%
25	TCB	5,800	11.15%
26	TPB	1,700	2.10%
27	TVS	100	0.15%
28	VCB	800	5.51%
29	VCI	500	1.35%
30	VDS	100	0.15%
31	VIB	2,400	3.63%
32	VIX	1,800	1.52%
33	VND	1,500	1.50%
34	VPB	5,500	7.77%
	Tiền/ Cash (VND)	4,841,406	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and 1 lot of ETF in value*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value*: (VND)

1,360,675,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF*: (VND)

1,365,516,406

- Giá trị chênh lệch/ *Spread in value*: (VND)

4,841,406

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*
 + Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:
 + Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
 Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT No.	Mã chứng khoán <i>Securities code</i>	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ <i>Cash Substitution per share (VND)</i>	Đối tượng áp dụng/ <i>Applied to</i>	Lý do/ <i>Reason</i>
1	ACB	26,100	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
2	BIC	36,500	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
3	BID	40,950	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
4	BSI	53,900	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Restriction on buying treasury share without registration
5	BVH	57,800	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
6	TPB	16,900	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
7	TCB	26,250	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
8	MBB	23,200	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
9	HDB	23,200	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
10	VCB	94,000	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
11	VCI	36,800	VCSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Restriction on buying treasury share without registration

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria:*

Chỉ tiêu/ <i>Criteria</i>	Kỳ này/ <i>This period (*)</i>	Kỳ trước/ <i>Last period (**)</i>	Chênh lệch/ <i>Difference</i>
	28/02/2025	27/02/2025	
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation units issued</i>			-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation units redeemed</i>			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Outstanding shares</i>	24,500,000	24,500,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ <i>Closing price</i>	13,750.00	13,830.00	(80)
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net asset value at valuation date</i>			
của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	334,551,519,566	334,015,869,074	535,650,492
của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF creation unit</i>	1,365,516,406	1,363,330,077	2,186,329
của 1 CCQ/ <i>per Share</i>	13,655.16	13,633.30	21.86
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	2,358.53	2,369.02	(10.49)

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại

27/02/2025

/ Item 5 is net asset value at 27/02/2025

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại

26/02/2025

/ Item 5 is net asset value at 26/02/2025

